TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **249**/2018/HNGĐ_ST
Ngày: 14/8/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên Hiệp phụ nữ Tp.Biên Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1168/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đỗ Bá X**, sinh năm 1978
2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Anh Y**, sinh năm 1981

Địa chỉ: 19/64, Kp.10, P.Hố Nai, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(Ông X xin vắng mặt, bà Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Đỗ Bá X trình bày: Năm 2014, ông và bà Phạm Thị Anh Y tự nguyện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 24/10/2014, UBND thị trấn Đinh Văn đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 166 cho vợ chồng ông bà. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, tuy nhiên dần dần càng phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng đã nhiều lần tìm phương án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Tính đến nay vợ chồng đã ly thân được hơn 02 năm. Hiện nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn,

không còn tình nghĩa, không chăm sóc lẫn nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y.

Về con chung: Có 01 con chung là Đỗ Nhật Thiên, sinh ngày 26/06/2016. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, vì từ khi ly thân đến nay cháu Thiên do bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay ông còn phải nuôi hai con riêng của mình.

Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn để vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn ông X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên bà Phạm Thị Anh Y không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của của bà Y về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn ông Đỗ Bá X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Anh Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông X là nguyên đơn, bà Y là bị đơn trong vụ án

- Ông X và bà Y có hộ khẩu thường trú tại 19/64, Kp.10, P.Hố Nai, TP.Biên Hòa. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn ông X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông X bà Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm

Đồng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết số 106 ngày 24/10/2014 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông X xác định do bất đồng về quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, dù nhiều lần cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả, các bên đã sống ly thân nhau từ hơn 02 năm nay. Nay ông X xác định không còn tình cảm với bà Y và cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y. Theo biên bản xác minh ngày 25/6/2018 tại địa phương xác định vợ chồng ông X, bà Y có mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được do các bên không khai báo. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Y không đến Tòa án làm việc không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, cũng như không có ý kiến gì, từ đó cho thấy bà Y có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu xin ly hôn của ông X là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông X, bà Y có 01 con chung là Đỗ Nhật Thiên, sinh ngày 26/06/2016. Ông X đồng ý giao con chung cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Việc bà Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thiên là phù hợp quy định pháp luật do cháu Thiên dưới 36 tháng tuổi. Từ khi ly thân đến nay cháu Thiên do bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, bà Y và ông X không gặp nhau nên ông X không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp tình hình thực tế. Hơn nữa, đối với phần cấp dưỡng đương sự vẫn có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khi các bên có yêu cầu theo luật định nên vẫn đảm bảo quyền lợi của trẻ.

Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn ông X xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn ông X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do bà Y không có ý kiến nên không thể xác thực về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó các đương sự được quyền khởi kiện đối với phần này bằng một vụ án khác khi có yêu cầu

- Về án phí: Ông Đỗ Bá X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Bá X đối với bị đơn bà Phạm Thị Anh Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Ông Đỗ Bá X, sinh năm 1978 được ly hôn với bà Phạm Thị Anh Y, sinh năm 1984

Về con chung: Giao con chung là Đỗ Nhật Thiên, sinh ngày 26/06/2016 cho bà Phạm Thị Anh Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đỗ Bá X được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Ông Đỗ Bá X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Batrăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 007335 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Ông X, bà Đà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Nhựt

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND TT Đinh Văn
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.